



**THÔNG BÁO CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2019**

(Kèm theo Thông báo số 4/TB-QBVPTR ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1. Tên bên cung ứng: Ban quản lý Vườn Quốc gia Chư Mom Ray
2. Địa chỉ: thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Đơn giá chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]	[9]
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.674,06</b>	<b>9.674,06</b>		<b>7.120.101.940</b>	<b>5.334.423.360</b>	<b>1.785.678.580</b>	
<b>I</b>	<b>Chi trả theo lưu vực thủy điện</b>	<b>9.674,06</b>	<b>9.674,06</b>		<b>7.006.790.304</b>	<b>5.334.423.360</b>	<b>1.672.366.944</b>	
1	Nhà máy thủy điện IaLy	9.165,04	9.165,04	364.177	3.337.700.802	2.541.064.932	796.635.870	
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3	9.165,04	9.165,04	124.638	1.142.315.555	869.669.923	272.645.632	
3	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	9.674,06	9.674,06	67.089	649.019.756	494.112.996	154.906.760	
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4	9.674,06	9.674,06	131.123	1.268.494.534	965.732.751	302.761.783	
5	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	9.674,06	9.674,06	44.972	435.063.837	331.223.655	103.840.182	
6	Nhà máy thủy điện Plei Krông	1.442,06	1.442,06	106.713	153.887.207	117.157.710	36.729.496	
7	Nhà máy Thủy điện Pô Kô	1.442,06	1.442,06	14.083	20.308.613	15.461.393	4.847.220	
<b>II</b>	<b>Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp</b>	<b>509,02</b>	<b>509,02</b>	<b>222.607</b>	<b>113.311.636</b>		<b>113.311.636</b>	